**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ SIP TRUNKING CỐ ĐỊNH**

**Số: Năm/tháng/ngày- /VNPT VNP-***tên đơn vị ban hành văn bản-tên đơn vị soạn thảo văn bản* **/HĐ***Tên tắt dv*

 Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

 Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

 Căn cứ Luật viễn thông số 41/2009/QH12 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ khả năng và điều kiện của các bên,

Hợp đồng cung cấp dịch vụSIP Trunking cố định (“Hợp đồng”) này được lập và ký kết ngày .... tháng .... năm ........, tại ............., giữa các Bên dưới đây:

**I. BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ:**

Địa chỉ :

Điện thoại :

Fax :

Tài khoản :

Tại :

Mã số thuế :

Người đại diện :

Chức vụ :

*(Theo Giấy uỷ quyền số ………………………ngày …………… của……………………)*.

***(Trong Hợp đồng gọi tắt là “Bên A”)***

***Và***

**II. BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ:**

Địa chỉ :

Điện thoại :

Fax :

Tài khoản :

Tại :

Mã số thuế :

Người đại diện :

Chức vụ :

*(Theo Giấy uỷ quyền số ………………………ngày …………… của……………………)*.

***(Trong Hợp đồng gọi tắt là “Bên B”)***

 Sau khi bàn bạc và thống nhất hai bên đồng ý cùng ký kết Hợp đồng với các điều khoản và điều kiện sau đây:

1. **GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

Trong Hợp đồng này, một số từ, thuật ngữ được định nghĩa và giải thích như sau:

* 1. *“Dịch vụ SIP Trunking cố định”* là dịch vụ đường dây trung kế thoại chạy trên giao thức SIP được cung cấp trên phạm vi tất cả các tỉnh, thành phố trên toàn quốc, cho đối tượng là khách hàng tổ chức, doanh nghiệp có trang bị tổng đài IP PBX (có hỗ trợ giao thức SIP) dùng để tạo kết nối cho các đầu số điện thoại cố định và được cung cấp bởi Bên B.
	2. *“Số dịch vụ”* là các số thuê bao do Bên B cung cấp cho khách hàng.
	3. *“Số đích”* là số điện thoại cố định của VNPT.
	4. *“Sản lượng”* là số phút thành công gọi đến số dịch vụ của khách hàng, sản lượng cuộc gọi được làm tròn theo từng phút, ghi tại tổng đài ghi cước của Bên B.
	5. *“Cước phát sinh”* là doanh thu cước mà Bên A phải thanh toán cho Bên B.
	6. *“Tài liệu xác nhận”* là các tài liệu thể hiện số liệu doanh thu cước theo cuộc gọi vào/gọi ra của từng số dịch vụ của khách hàng, số phút gọi vào/gọi ra của từng số dịch vụ của khách hàng trong kỳ xác nhận.
	7. *“Ngày bắt đầu tính cước”* là ngày kích hoạt dịch vụ sau khi hai bên thống nhất và ký Biên bản nghiệm thu.
1. **NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

Bên B đồng ý cung cấp và Bên A đồng ý sử dụng dịch vụ SIP Trunking cố định do Bên B cung cấp, quy định chi tiết tại Phụ lục Hợp đồng.

1. **CƯỚC PHÍ DỊCH VỤ**

Trừ trường hợp các bên có quy định khác, ngày bắt đầu tính cước phí dịch vụ là ngày Bên B bàn giao dịch vụ cho Bên A. Cước phí dịch vụ bao gồm: cước phí hòa mạng và cước phí sử dụng dịch vụ hàng tháng gồm cước thuê kênh trung kế SIP Trunking, cước thuê bao, cước liên lạc và cước dịch vụ cộng thêm (nếu có). Mức cước phí dịch vụ được quy định cụ thể tại Phụ lục Hợp đồng này.

* 1. Cước phí hòa mạng bao gồm: cước hòa mạng dịch vụ và cước hòa mạng trung kế SIP Trunking. Trường hợp Bên A có nhu cầu chuyển dịch vị trí lắp đặt, cước phí hòa mạngcác lần sau sẽ được Bên B thông báo cho Bên A theo quy định của Bên B tại thời điểm chuyển dịch.
	2. Cước thuê kênh trung kế SIP Trunking:

Cước thuê kênh trung kế SIP Trunking hàng tháng là cước phí Bên A phải trả khi sử dụng kênhtrung kế SIP Trunking theo định kỳ hàng tháng cho Bên B. Cước phí phải thanh toán hàng tháng được xác định trên cơ sở cước phí hàng tháng trừ đi cước giảm trừ của tháng liền trước đó (nếu có).

Ngày bắt đầu tính cước thuê kênh hàng tháng là ngày các bên ký biên bản nghiệm thu, bàn giao.

* 1. Cước thuê bao:

Cước thuê bao là cước phí Bên A phải trả cho Bên B theo định kỳ hàng tháng và không phụ thuộc vào tổng thời gian phát sinh cuộc gọi từ các thuê bao Bên A đã đăng ký dịch vụ tới các thuê bao khác. Cước thuê bao phải trả hàng tháng được xác định dựa trên cơ sở mức cước thuê bao hàng tháng trừ đi cước giảm trừ của tháng trước liền kề (nếu có).

* 1. Cước liên lạc:

Cước liên lạc là cước phí Bên A phải trả cho Bên B theo định kỳ hàng tháng căn cứ vào tổng số thời gian phát sinh cuộc gọi từ thuê bao Bên A đăng ký sử dụng dịch vụ gọi tới các thuê bao khác.

* 1. Cước dịch vụ cộng thêm:

Cước dịch vụ cộng thêm là cước phí Bên A phải trả cho Bên B theo định kỳ hàng tháng hoặc theo số lần phát sinh dịch vụ căn cứ dịch vụ Bên A đăng ký sử dụng thêm như: dịch vụ chuyển hướng cuộc gọi, nhạc chờ,...

* 1. Trường hợp thời gian sử dụng dịch vụ của tháng bắt đầu và tháng kết thúc Hợp đồng không trọn tháng, cước phí dịch vụ được xác định như sau:

|  |
| --- |
| Cước phí dịch vụhàng tháng x Số ngày sử dụng dịch vụ trong tháng |
| 30 ngày |

* 1. Trường hợp gián đoạn dịch vụ do Bên B không đảm bảo yêu cầu về chất lượng dịch vụ, Bên B sẽ giảm trừ cước phí dịch vụ hàng tháng cho Bên A theo quy định tại Phụ lục Hợp đồng.
	2. Thay đổi cước phí dịch vụ:
		1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, cước phí dịch vụ có thể thay đổi theo quy định của Bên B, của Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông, Tập đoàn VNPT, Bộ Thông tin và Truyền thông. Khi có sự thay đổi vể cước phí dịch vụ, Bên B thông báo bằng văn bản cho Bên A về mức cước và thời điểm áp dụng mức cước mới.
		2. Trường hợp Bên A không đồng ý với mức cước phí dịch vụ mới, mỗi bên có quyền chấm dứt Hợp đồng và các bên tiến hành thanh lý Hợp đồng. Trong thời gian hai bên chưa thống nhất được về giá cước, Bên B có quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ.
1. **THANH TOÁN**
	1. Phương thức thanh toán:
		1. Cước phí hòa mạng:

Bên A thanh toán cho Bên B 100 % cước phí hòa mạng ngay sau khi ký Hợp đồng. Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn cho Bên A trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thanh toán. Cước phí hòa mạng sẽ không được hoàn trả trong mọi trường hợp.

* + 1. Cước phí sử dụng dịch vụ hàng tháng: bao gồm cước thuê kênh trung kế SIP Trunking hàng tháng, cước thuê bao, cước liên lạc, cước dịch vụ cộng thêm (nếu có).
			- Hàng tháng, Bên B gửi hóa đơn cho Bên A theo cước phí dịch vụ quy định tại Phụ lục Hợp đồng và tài liệu xác nhận cuộc gọi hàng tháng. Hóa đơn được xuất vào trước ngày 15 của tháng sau tháng phát sinh số liệu, Bên A có trách nhiệm thanh toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hóa đơn (căn cứ xác nhận chuyển phát).
			- Nếu ngày thanh toán cuối cùng không phải là ngày làm việc, Bên A phải thanh toán cho Bên B vào ngày làm việc liền kế tiếp.
			- Hóa đơn cước phí do Bên B cung cấp sẽ được coi như Bên A chấp thuận nếu Bên A không có khiếu nại bằng văn bản và đưa ra lý do khiếu nại chính đáng, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn. Bên A phải thông báo ngay cho Bên B biết khi không nhận được hóa đơn (thông báo) cước. Trong trường hợp Bên A không thông báo cho Bên B, coi như Bên A đã nhận được hóa đơn (thông báo) cước đúng hạn.

Mọi sai sót, nhầm lẫn trong hóa đơn (nếu có) sẽ được hai bên xác nhận và điều chỉnh vào hóa đơn cho kỳ kế tiếp.

* + - * Bên A không được hoàn trả giá trị đã thanh toán cho Bên B trong mọi trường hợp.
	1. Hình thức thanh toán:
		1. Bên A thanh toán bằng đồng Việt Nam với hình thức tiền mặt hoặc chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Bên B.

Giá trị thanh toán theo Hợp đồng có thể bù trừ với các khoản công nợ khác giữa các bên (nếu có).

* + 1. Bên A chịu trách nhiệm về chi phí liên quan đến việc thanh toán để đảm bảo Bên B nhận được đầy đủ số tiền ghi trên hóa đơn.
1. **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**
	1. Quyền của Bên A:
		1. Sử dụng dịch vụ theo đúng quy định tại Hợp đồng này, quy định của Bên B, Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông, Tập đoàn VNPT, Bộ Thông tin và Truyền thông và Pháp luật Việt Nam.
		2. Yêu cầu Bên B giải thích, hướng dẫn về giá cước và cách sử dụng dịch vụ, thiết bị do Bên B cung cấp.
		3. Sử dụng dịch vụ viễn thông theo chất lượng và giá cước quy định tại Hợp đồng.
		4. Yêu cầu Bên B bảo dưỡng các thiết bị, khắc phục sự cố dịch vụ.
		5. Được quyền đảm bảo bí mật các thông tin riêng theo quy định của pháp luật.
	2. Nghĩa vụ của Bên A:
		1. Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cước phí dịch vụ và chịu chi phí (chuyển tiền, phí ngân hàng và các chi phí khác có liên quan) phát sinh khi thanh toán cước theo quy định tại Hợp đồng.
		2. Chịu trách nhiệm xây dựng Tổng đài nội bộ của Bên A.
		3. Không được chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng cho bên thứ ba trước khi được sự đồng ý của Bên B. Không cho phép bất kỳ cá nhân, tổ chức khác sử dụng dịch vụ do Bên B cung cấp. Không sử dụng cơ sở vật chất, hạ tầng của Bên B hoặc dịch vụ do B cung cấp để kinh doanh dịch vụ viễn thông và/hoặc thực hiện hành vi vi phạm pháp luật dưới mọi hình thức.
		4. Quản lý, bảo quản và sử dụng thiết bị do Bên B cung cấp (nếu có) theo đúng quy định. Không tự ý dịch chuyển, chuyển giao thiết bị do Bên B lắp đặt, thay đổi địa chỉ lắp đặt thiết bị hoặc số điện thoại sử dụng dịch vụ khi chưa có văn bản chấp thuận của Bên B. Hoàn trả lại thiết bị cho Bên B trong tình trạng sử dụng tốt khi thanh lý, chấm dứt Hợp đồng. Bồi thường các thiệt hại do làm mất, hỏng thiết bị do Bên B cung cấp (nếu có).
		5. Thực hiện đúng các quy định, thủ tục cần thiết theo hướng dẫn của Bên B khi có yêu cầu: Tạm ngưng, chấm dứt Hợp đồng, thay đổi địa chỉ, thay đổi số điện thoại, ủy quyền, chuyển quyền sử dụng, hoặc thay đổi thiết bị đầu cuối.
		6. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện, thiết bị cần thiết để Bên B lắp đặt dịch vụ. Thiết bị, vật tư của Bên A đấu nối vào mạng viễn thông phải tương thích và đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo pháp luật Việt Nam. Chịu trách nhiệm bảo đảm các yêu cầu về an toàn thông tin hệ thống mạng của mình. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin truyền, đưa, lưu trữ trên mạng viễn thông.
		7. Phối hợp, tạo điều kiện và bảo đảm an toàn ở mức cao nhất cho Bên B trong quá trình bảo dưỡng và kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ tại địa điểm của Bên A.
		8. Cung cấp trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin mục đích, quy mô, cấu hình mạng và các thông tin khác liên quan đến Bên A, Hợp đồng, đến việc sử dụng dịch vụ cho Bên B. Trường hợp có thay đổi những thông tin đó, Bên A phải thông báo tới Bên B trong thời gian trước ít nhất 05 ngày tính đến ngày có sự thay đổi.
		9. Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề có liên quan.
		10. Cung cấp đầy đủ các thông tin, chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại. Trong thời gian chờ giải quyết vẫn phải thanh toán cước phí và thực hiện đúng các nghĩa vụ trong Hợp đồng.
		11. Bên A hiểu và thừa nhận rằng Bên B sẽ không chịu trách nhiệm đối với:
			* Việc lựa chọn, sử dụng và duy trì các thiết bị và hệ thống của Bên A.
			* Mục đích sử dụng dịch vụ của Bên A.
			* Nội dung của bất kỳ dữ liệu hay thông tin mà Bên A có thể gửi hoặc nhận được trong khi sử dụng dịch vụ của Bên B.
		12. Khi có sự cố dịch vụ, Bên A phải thông báo cho đầu mối liên hệ của Bên B để cùng phối hợp xử lý. Mọi sự cố về thông tin thuộc phạm vi Bên A đảm nhận, Bên A có trách nhiệm sửa chữa kịp thời để phục hồi thông tin.
		13. Tuân thủ các quy định của pháp luật về việc sử dụng dịch vụ viễn thông.
2. **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**
	1. Quyền của Bên B:
		1. Yêu cầu Bên A thanh toán đủ và đúng hạn cước phí dịch vụ theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng. Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến việc cung cấp dịch vụ. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng dịch vụ của Bên A theo quy định của pháp luật.
		2. Không chịu trách nhiệm về việc người của Bên A, bên thứ ba truy nhập trái phép vào mạng, thiết bị của Bên A nhằm thay đổi, lấy cắp hoặc phá hủy dữ liệu, chương trình, thông tin hoặc thiết bị của Bên A, trừ trường hợp do lỗi trực tiếp từ Bên B.
		3. Không chịu trách nhiệm về thiệt hại của Bên A, các khiếu nại, khởi kiện Bên A từ các bên khác nếu không xuất phát từ lỗi trực tiếp của Bên B.
		4. Không chịu trách nhiệm về các thông tin, nội dung của Bên A thông qua việc sử dụng dịch vụ của Bên B. Có quyền xóa bỏ dữ liệu, thông tin của Bên A khi chấm dứt Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.
		5. Có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng, tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ theo các quy định của Hợp đồng này.
	2. Nghĩa vụ của Bên B:
		1. Đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho Bên A theo đúng quy định tại Hợp đồng này.
		2. Đảm bảo bí mật thông tin của Bên A theo quy định tại Hợp đồng.
		3. Phối hợp với Bên A trong quá trình vận hành, khai thác, bảo dưỡng và xử lý sự cố trong hệ thống; tìm hiểu, xác nhận nguyên nhân và thời gian xảy ra sự cố để khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất.
		4. Thông báo bằng văn bản cho Bên A về việc bảo dưỡng định kỳ hệ thống hoặc thay đổi lịch trình bảo dưỡng ít nhất 03 ngày trước khi thực hiện. Nội dung của thông báo sẽ bao gồm thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện, thời gian dự kiến bảo dưỡng. Bên B sẽ áp dụng mọi biện pháp để tiến hành bảo dưỡng vào thời gian thích hợp nhất cho Bên A.
		5. Thông báo bằng văn bản cho Bên A khi thay đổi về cước phí dịch vụ trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).
		6. Thông báo, giải thích kịp thời về sự thay đổi điều kiện sử dụng dịch vụ hoặc nguyên nhân xảy ra sự cố làm gián đoạn thông tin. Xử lý, khắc phục sự cố dịch vụ thuộc trách nhiệm của Bên B sau khi nhận được thông báo sự cố từ Bên A. Trường hợp sự cố dịch vụ (tính từ lúc Bên A thông báo cho Bên B cho đến lúc Bên B báo lại cho Bên A về thời điểm khôi phục) do lỗi của Bên B, Bên B có trách nhiệm giảm trừ cước phí cho Bên A vào tháng kế tiếp theo quy định tại Phụ lục Hợp đồng. Bên B không phải giảm trừ cước phí trong trường hợp sự cố do lỗi của Bên A và bên thứ ba.
		7. Tiếp nhận và giải quyết kịp thời các khiếu nại của Bên A liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ theo Hợp đồng cụ thể: Thời gian giải quyết không quá 02 tháng đối với các dịch vụ viễn thông trong nước và 03 tháng đối với các dịch vụ viễn thông quốc tế kể từ ngày Bên B nhận được khiếu nại. Nội dung giải quyết khiếu nại tuân theo quy định của Bên B, Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông, Tập đoàn VNPT, Bộ Thông tin và Truyền thông và quy định của pháp luật.
		8. Cung cấp cho Bên A hoá đơn tài chính hợp lệ theo đúng nội dung của Hợp đồng.
		9. Tuân thủ nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ theo quy định tại Luật bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và văn bản hướng dẫn thi hành.
3. **TẠM NGỪNG SỬ DỤNG DỊCH VỤ**
	1. Trường hợp Bên A có nhu cầu tạm ngừng sử dụng dịch vụ, Bên A gửi văn bản đề nghị Bên B giải quyết và làm các thủ tục, thanh toán hết các khoản cước phí tính đến thời điểm tạm ngừng theo quy định hiện hành (nếu có). Thời gian tạm ngừng tối thiểu và tối đa theo quy định của Bên B tại thời điểm tạm ngừng. Ngoài ra, Bên A phải chịu thêm cước phí tạm ngừng dịch vụ và cước phí khôi phục dịch vụ theo quy định của Bên B (nếu có).
	2. Bên B có quyền tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
		1. Bên A vi phạm các nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng, cụ thể:
			* Bên A không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cước hoặc bồi thường (nếu có) cho Bên B như đã thỏa thuận trong Hợp đồng.
			* Bên A tiếp tục sử dụng thiết bị đầu cuối thuê bao không đúng chuẩn, quy cách sử dụng khi đã được Bên B thông báo.
			* Bên A kinh doanh lại đường dây điện thoại và các dịch vụ do Bên B cung cấp khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên B.
			* Bên A tự ý chuyển quyền sử dụng dịch vụ mà không thực hiện đúng quy định, thủ tục cần thiết theo hướng dẫn của Bên B.

Trong trường hợp này, dịch vụ chỉ được khôi phục sau khi Bên A chấm dứt hành vi vi phạm, thanh toán, nộp đầy đủ các khoản phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của Bên B và cước phí khôi phục dịch vụ (nếu có) do Bên B quy định.

* + 1. Bên B tổ chức nâng cấp, tu bổ, sửa chữa mạng lưới viễn thông theo kế hoạch hoặc do sự kiện bất khả kháng.
		2. Các bên chưa thống nhất được về giá cước dịch vụ mới theo quy định tại Hợp đồng.
		3. Có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc quy định của pháp luật.
	1. Trường hợp có sự cố khẩn cấp hoặc theo quy định của pháp luật, Bên B có quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ và có trách nhiệm thông báo cho Bên A trong vòng 24 giờ kể từ khi tạm ngừng cung cấp dịch vụ.
1. **THỜI HẠN HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN**
	1. Hợp đồng này có thời hạn 01 năm kể từ ngày có hiệu lực. Trước ngày kết thúc Hợp đồng, nếu một trong hai bên không có văn bản đề nghị chấm dứt Hợp đồng, Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn thêm 01 năm. Quy định này được áp dụng tương tự cho các năm hiệu lực tiếp theo của Hợp đồng.
	2. Hợp đồng này chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp sau:
		1. Hai bên thỏa thuận về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
		2. Bên bị vi phạm Hợp đồng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn nếu bên vi phạm Hợp đồng không khắc phục được hậu quả trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của bên bị vi phạm.
		3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
	3. Hậu quả của việc chấm dứt Hợp đồng:
		1. Ngay sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B đầy đủ cước phí dịch vụ tính đến hết ngày chấm dứt Hợp đồng và các khoản thanh toán khác (nếu có).
		2. Việc chấm dứt Hợp đồng không ảnh hưởng quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng.
	4. Khi chấm dứt Hợp đồng, các bên phải tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng, việc thanh lý Hợp đồng phải được lập thành văn bản, trong đó xác định quyền và nghĩa vụ còn lại của mỗi bên. Hợp đồng chỉ được thanh lý khi các bên đã hoàn thành mọi nghĩa vụ còn lại trong Hợp đồng.
2. **TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, nếu một bên (i) không thực hiện đúng và/hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng, hoặc (ii) đơn phương chấm dứt Hợp đồng trái với các quy định tại Hợp đồng và pháp luật, phải chịu trách nhiệm như sau:

* 1. Bồi thường thiệt hại:
		1. Trường hợp một bên vi phạm gây thiệt hại, bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trực tiếp cho bên bị vi phạm theo quy định của pháp luật.
		2. Ngoài ra, trong trường hợp bên A chậm thanh toán, Bên B có quyền yêu cầu bên A thanh toán thêm một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán theo lãi suất bằng 150% lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng nơi bên A mở tài khoản ghi trong Hợp đồng quy định, tương ứng thời gian chậm thanh toán .
	2. Phạt vi phạm:

Bên vi phạm sẽ phải nộp cho bên bị vi phạm một khoản tiền phạt vi phạm tương ứng 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

1. **BẢO MẬT THÔNG TIN**
	1. Trừ trường hợp sử dụng cho mục đích thực hiện Hợp đồng này, các bên cam kết giữ bí mật tất cả các thông tin liên quan đến nội dung của Hợp đồng, nội dung thực hiện Hợp đồng và thông tin khác có liên quan các bên được biết trong quá trình làm việc.

Các bên không được tiết lộ hoặc để lộ thông tin trên cho bất kỳ bên thứ ba nào khác trừ trường hợp bên còn lại đồng ý bằng văn bản hoặc theo quy định của pháp luật.

* 1. Các quy định tại khoản 1 điều này ràng buộc các bên về nghĩa vụ bảo mật không giới hạn về không gian, thời gian. Mọi vi phạm nghĩa vụ bảo mật dẫn đến thiệt hại cho một bên (nếu có) sẽ được bên vi phạm bồi thường theo thực tế thiệt hại xảy ra.
1. **SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**
	1. Sự kiện bất khả kháng là các sự việc hoặc sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của các bên bao gồm động đất, sóng thần, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh…, dẫn đến việc một bên hoặc các bên không thực hiện được các quyền và nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này.
	2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng, áp dụng chế tài phạt và bồi thường. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
		1. Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng gây ra.
		2. Thông báo cho phía bên kia về sự kiện bất khả kháng ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.
		3. Thực hiện các nghĩa vụ không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.
		4. Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ bị tạm ngừng ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng ngay sau khi tác động của sự kiện bất khả kháng chấm dứt.
	3. Trong trường hợp sự kiện bất khả kháng xảy ra và kéo dài quá 90 ngày dẫn đến việc một bên hoặc các bên không thực hiện được các quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này, các bên có thể thoả thuận về việc chấm dứt Hợp đồng.
2. **QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, quyền sở hữu trí tuệ đối với các phần mềm, ứng dụng, chương trình máy tính,… liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo Hợp đồng này vẫn thuộc về Bên B hoặc chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ của các sản phẩm này.

1. **LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**
	1. Hợp đồng này được giải thích và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam. Các quyền, nghĩa vụ của các bên và các nội dung khác chưa được quy định tại Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh theo các quy định pháp luật có liên quan.
	2. Mọi tranh chấp phát sinh từ việc xác lập, ký kết và thực hiện Hợp đồng này sẽ được các bên ưu tiên giải quyết bằng thương lượng, hoà giải trên tinh thần thiện chí. Các bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng không có tranh chấp, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.
	3. Trường hợp các bên không thể giải quyết bằng phương thức thương lượng, hòa giải, mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua kiện chịu theo phán quyết của Tòa án.
2. **THÔNG BÁO**
	1. Các bên có trách nhiệm thông báo cho bên còn lại về đầu mối có thẩm quyền liên hệ công việc liên quan đến Hợp đồng này.
	2. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thông báo chỉ có giá trị pháp lý với bên còn lại khi thể hiện bằng văn bản và chuyển theo một trong các hình thức văn bản trao tay, fax hoặc email của người có thẩm quyền. Thông báo thể hiện bằng điện thoại chỉ có giá trị tham khảo.
	3. Trường hợp các bên gửi nhiều thông báo, thông báo cuối cùng theo thời gian sẽ được áp dụng. Nếu thông báo nhận được cùng thời gian sẽ áp dụng theo thứ tự ưu tiên: email, fax, văn bản trao tay.
	4. Mỗi bên sẽ thông báo cho bên kia về bất kỳ thay đổi nào đối với đầu mối liên hệ, địa chỉ, số điện thoại, email của mình.
3. **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**
	1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, các nội dung cam kết, thỏa thuận (nếu có) giữa các bên có nội dung trái với quy định của Hợp đồng này hết hiệu lực thi hành.

* 1. Các bên cam kết tuân thủ đầy đủ các điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận tại Hợp đồng này với tinh thần thiện chí, trung thực và tạo điều kiện thuận lợi cho nhau trong quá trình thực hiện.
	2. Hợp đồng chỉ được sửa đổi bổ sung khi được sự chấp thuận của các bên Mọi nội dung sửa đổi, bổ sung chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản và ký kết bởi đại diện có thẩm quyền của các bên.
	3. Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ hai (02) bản để thực hiện.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN A**  | **ĐẠI DIỆN BÊN B** |

**PHỤ LỤC 01**

**(Kèm theo Hợp đồng số: Nămthángngày- /VNPT VNP-***tên tắt đơn vị ban hành văn bản-tên tắt đơn vị soạn thảo***/HĐ***Tên tắt dv***ký ngày …/…/…………)**

**I. MÔ TẢ DỊCH VỤ**

Bên B cung cấp dịch vụ SIPTrunking cho Bên A tại những địa điểm theo danh sách như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa điểm lắp đặt** | **Số thuê bao** | **Số lượng cuộc gọi động thời** | **Loại trung kế SIP Trunking** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**II. CƯỚC PHÍ DỊCH VỤ**

1. **Cước phí hòa mạng:**

Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B cước phí hòa mạng như sau:

* Cước hòa mạng dịch vụ:
* Cước hòa mạng trung kế SIP Trunking:
1. **Cước phí sửdụng dịch vụ hàng tháng:**

Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B cước phí sử dụng dịch vụ hàng tháng cụ thể như sau:

**2.1. Cước thuê bao:**

**2.2. Cướcthuê kênh trung kế SIP Trunking:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Địa điểm lắp đặt** | Loại dịch vụ | Tốc độ | **SL** | **Loại cổng** | **Cước thuê kênh hàng tháng (VNĐ)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng (đã bao gồm VAT)** |  |

**2.3. Cước liên lạc:**

* **Gọi nội hạt:** Áp dụng như mức cước PSTN trả sau tại nhà thuê bao hiện hành của Tập đoàn
* **Gọi liên tỉnh nội mạng điện thoại cố định VNPT, di động VNPT:** Giảm 10% so với mức cước PSTN trả sau tại nhà thuê bao hiện hành của VNPT
* **Gọicác dịch vụ khác của VNPT và tất cả các dịch vụ của doanh nghiệp khác:** Áp dụng mức cước từ thuê bao điện thoại cố định mạng PSTN tại nhà thuê bao gọi tới các dịch vụ khác của VNPT/các dịch vụ của doanh nghiệp khác.

Thời điểm áp dụng bắt đầu thu cước: kể từ ngày Bên B nghiệm thu dịch vụ SIP Trunking cho Bên A (căn cứ vào Biên bản nghiệm thu dịch vụ giữa hai bên).

**2.4. Cước dịch vụ cộng thêm (nếu có):**

1. **Trong thời gian tạm ngừng dịch vụ:**
* Bên A phải thanh toán cho Bên B cước thuê bao trong thời gian tạm ngừng sử dụng dịch vụ là 100% mức cước thuê bao hàng tháng quy định tại mục 2.2 của Phụ lục này.
* Thời gian tạm ngưng sử dụng dịch vụ tối thiếu là 01 tháng và tối đa là 03 tháng. Trường hợp thời gian tạm ngưng sử dụng dịch vụ của Bên A ít hơn 30 ngày, cước thuê bao tính bằng 01 tháng. Hết thời gian tạm ngưng này, nếu Bên A không có thông báo khôi phục lại kênh để sử dụng thì Bên B sẽ thông báo ngừng dịch vụ.

**III. ĐẦU MỐI LIÊN HỆ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ PHẬN**  | **BÊN A** | **BÊN B** |
| Tư vấn tiếp nhận yêu cầu, báo giá, hợp đồng/hợp tác, đối soát |  |  |
| Xuất hóa đơn, thanh toán |  |  |
| Xử lý sự cố  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN A** | **ĐẠI DIỆN BÊN B** |